

QUẢN LÝ RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

ThS. Bùi Quang Tín

Tóm tắt: Bài viết về tác động của vàng đến quản lý rủi ro trong hoạt động kinh doanh ngoại hối của ngân hàng thương mại (NHTM), phân tích chi tiết các rủi ro phát sinh mà hoạt động kinh doanh vàng, đặc biệt là kinh doanh hưởng chênh lệch giá vàng giữa trong nước và quốc tế đem lại các chi phí mà ngân hàng phải gánh khi thực hiện các giao dịch này, phương thức duy trì giao dịch. Từ các rủi ro xảy ra trong hoạt động kinh doanh hưởng chênh lệch giá vàng trong nước và quốc tế, tác giả cũng đề xuất giải pháp khả thi trong việc thiết lập, thực hiện một hệ thống quản trị rủi ro hiệu quả cho hoạt động kinh doanh ngoại hối nói chung và kinh doanh vàng nói riêng trong điều kiện kinh tế hiện nay của đất nước.

Từ khóa: Quản lý rủi ro, kinh doanh vàng.

Đặt vấn đề

Lịch sử phát triển của hệ thống ngân hàng đã chứng kiến nhiều cuộc khủng hoảng và hoảng loạn ngân hàng tại mỗi quốc gia, khu vực và thế giới gây tổn thất rất lớn cho nền kinh tế và mất ổn định về chính trị xã hội. Có thể nói, các vụ sụp đổ ngân hàng cũng là một khâu tất yếu trong tiến trình phát triển của ngành ngân hàng. Các nhà quản lý đã và đang không ngừng cải tiến chính sách quản lý để hạn chế sự sụp đổ và mở đường cho sự phát triển của ngành ngân hàng nói chung. Kể từ đó, nhiệm vụ tạo ra và duy trì sự hoạt động ổn định của ngân hàng đang đặt lên đôi vai của các nhà quản trị. Quản trị tại NHTM là tiến trình bao gồm hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra công việc cùng với sự phối hợp nỗ lực của con người tham gia vào hoạt động chung để đạt mục tiêu với hiệu quả cao nhất. Hoạt động chủ yếu của một NHTM là kinh doanh tiền tệ và thực hiện các dịch vụ ngân hàng, trong đó có kinh doanh ngoại hối.

Trong hoạt động kinh doanh ngoại hối của các tổ chức tín dụng (TCTD), mảng kinh doanh vàng và ngoại tệ chiếm tỷ trọng trên 95%.

Trong những năm gần đây, hoạt động và thu nhập của mảng kinh doanh ngoại hối đã gia tăng tỷ trọng đáng kể trong hoạt động và tổng thu nhập của ngân hàng, làm giảm sự phụ thuộc thu nhập của ngân hàng vào tín dụng. Tuy nhiên các quy định pháp lý phức tạp, luôn thay đổi của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) về huy động, cho vay vàng cũng như kinh doanh vàng tại ngân hàng, cộng với sự biến động thất thường của giá vàng trong, ngoài nước đang đặt ngân hàng vào trạng thái rủi ro lớn. Từ đó, những tác động phức tạp của vàng đến hoạt động của ngân hàng đang làm chúng ta phải tìm kiếm giải pháp hiệu quả cho công tác quản lý rủi ro nhằm tăng tính hiệu quả cho hoạt động này và giảm thiểu rủi ro có thể xảy ra cho ngân hàng. Một hệ thống quản lý rủi ro hiệu quả và đồng bộ cho hoạt động kinh doanh vàng là vấn đề hàng đầu đang được đặt ra cho cả ngành ngân hàng hiện nay.

Cơ sở pháp lý và khả năng rủi ro

Theo Pháp lệnh Ngoại hối 28/2005/PL-UBTVQH11 và Nghị định 160/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 quy định chi tiết thi hành pháp lệnh ngoại hối, thì ngoại hối có tất cả năm loại bao gồm:

(i) Đồng tiền của quốc gia khác hoặc đồng tiền chung châu Âu và đồng tiền chung khác được sử dụng trong thanh toán quốc tế và khu vực (sau đây gọi là ngoại tệ); (ii) Phương tiện thanh toán bằng ngoại tệ, gồm séc, thẻ thanh toán, hối phiếu đòi nợ, hối phiếu nhận nợ và các phương tiện thanh toán khác; (iii) Các loại giấy tờ có giá bằng ngoại tệ, gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu công ty, kỳ phiếu, cổ phiếu và các loại giấy tờ có giá khác; (iv) Vàng thuộc dự trữ ngoại hối nhà nước, trên tài khoản ở nước ngoài của người cư trú; vàng dưới dạng khối, thỏi, hạt, miếng trong trường hợp mang vào và mang ra khỏi lãnh thổ Việt Nam; (v) Đồng tiền của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong trường hợp chuyển vào và chuyển ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc được sử dụng trong thanh toán quốc tế. Trong các loại này, vàng và ngoại tệ vẫn chiếm một tỷ trọng lớn nhất trong hoạt động kinh doanh ngoại hối của một ngân hàng.

Nhằm giảm sự tác động tiêu cực của huy động và cho vay vàng đối với ngân hàng và dân cư, NHNN đã ban hành Thông tư 11/2011/TT-NHNN ngày 29/4/2011 về việc chấm dứt và cho vay vốn bằng vàng của TCTD thay cho Thông tư 22/2010/TT-NHNN ngày 29/10/2011. Sau đó gần 6 tháng, NHNN lại tiếp tục củng cố quyết định không cho vay và huy động vàng bằng Thông tư 32/2011/TT-NHNN ngày 06/10/2011 đồng thời cho phép NHTM mở lại hoạt động mua bán vàng ở tài khoản vàng nước ngoài theo đúng quy định của pháp luật. Sự thay đổi các quy định của pháp lý về huy động và cho vay vàng một mặt giúp giảm bớt rủi ro cho hoạt động kinh doanh của ngân hàng, mặt khác cũng tạo ra những hiệu ứng tiêu cực và khó khăn cho việc hoạch định và thực thi kế hoạch mà ngân hàng đã đặt ra cho cả năm tài chính. Hơn nữa, việc thay đổi chính sách quản lý ngoại hối nhanh của nhà nước thể hiện sự điều hành thiếu nhất quán trong điều tiết vĩ mô nền kinh tế.

Giống như chính sách về huy động và cho vay vàng, do sự chênh lệch giữa giá vàng trong

nước và quốc tế quá cao, có lúc lên tới gần bốn triệu đồng một lượng (An Huy, 2011). NHNN đã ban hành Thông tư 01/2010/TT-NHNN ngày 06/01/2010 về việc bãi bỏ kinh doanh vàng trên tài khoản ở nước ngoài (theo Quyết định 03/2006/QĐ-NHNN ngày 18/01/2006 và Quyết định 11/2007/QĐ-NHNN ngày 15/3/2007), sau đó lại cho mở lại kinh doanh vàng trên tài khoản ở nước ngoài theo Thông tư 32/2011/TT-NHNN ngày 06/10/2011. Việc thay đổi này cũng tạo ra những rủi ro nhất định cho việc hoạch định và thực thi các kế hoạch kinh doanh của ngân hàng, làm cho nhà quản trị lo lắng không biết khi các giao dịch mà NHTM đã mở trước đó phải đóng lại khi mà các ngân hàng thấy rằng các giao dịch này chưa thuận lợi để đóng lại. Do đó việc thiết lập một hệ thống quản lý rủi ro hoạt động hiệu quả luôn là một nhu cầu bức thiết của bất kỳ một ngân hàng nào.

Rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh vàng tại Ngân hàng X

Kể từ trước ngày còn hiệu lực của Thông tư 01/2010/TT-NHNN và sau ngày hiệu lực của Thông tư 32/2011/TT-NHNN, ngân hàng đã tiến hành kinh doanh chênh lệch giá vàng trong nước và quốc tế nhằm hưởng lợi nhuận tuy về hình thức là làm giảm chênh lệch giữa giá vàng trong nước và quốc tế và tạm thời không phải tốn ngoại tệ (USD) để nhập vàng về. Tuy nhiên, các hoạt động này của NHTM cũng đang ngấm chứa nhiều rủi ro mà các phòng ban có trách nhiệm của ngân hàng (phòng kinh doanh ngoại hối, phòng quản lý rủi ro, kiểm tra kiểm soát nội bộ, văn phòng tổng giám đốc, văn phòng hội đồng quản trị...) chưa chắc đã nhận diện được hết.

Mục đích của NHNN trong Thông tư 32/2011/TT-NHNN, ngoài việc hỗ trợ thanh khoản cho hệ thống ngân hàng và thị trường vào những tháng cuối năm 2011 là việc kéo giảm độ chênh lệch giữa giá vàng trong nước và quốc tế (giá vàng trong nước cao hơn giá vàng thế giới). NHNN đã cho phép các NHTM được phép chuyển đổi vàng tồn quỹ thành tiền và

mở tài khoản vàng ở nước ngoài. Tuy nhiên, NHTM chỉ được chuyển đổi tối đa 40% lượng vàng tồn quỹ thành tiền tại thời điểm nộp hồ sơ xin chuyển đổi vàng tồn quỹ và mở tài khoản vàng ở nước ngoài. NHTM được thực hiện mua vàng vật chất tại thị trường trong nước để bù đắp lượng vàng tồn quỹ đã chuyển đổi thành tiền theo văn bản cho phép chuyển đổi của NHNN. Trường hợp NHTM gặp khó khăn trong việc mua vàng vật chất bù đắp lượng vàng tồn quỹ đã chuyển đổi thành tiền tại thị trường trong nước, NHNN sẽ xem xét cho phép nhập khẩu vàng để bù đắp lượng vàng tồn quỹ đã chuyển đổi. Với việc làm này, NHTM đang phải gánh chịu nhiều rủi ro. Một trường hợp cụ thể:

Ngày 10/10/2011, phòng kinh doanh ngoại hối của Ngân hàng X thực hiện hai giao dịch cùng lúc: các nhân viên kinh doanh phòng kinh doanh ngoại hối đã mua của đối tác nước ngoài HSBC Hong Kong thông qua mạng Reuters với số lượng 500 kg vàng trên tài khoản với giá là 1.585 USD/oz¹ (với giá USD/VND trên thị trường liên ngân hàng lúc bấy giờ là 21.700) và bán chéo với một đối tác trong nước là Doanh nghiệp Tư nhân A cùng với số lượng 500kg vàng SJC (tương đương 500*26,666 = 13.333 lượng vàng SJC) với giá 43.900.000 đồng/lượng. Giả định các chi phí để Ngân hàng X nhập lượng vàng trên từ Hong Kong về Việt Nam là 400.000 đồng/lượng, Ngân hàng X ước tính có lợi nhuận gần: $500 * 26,666 * (43.900.000 - 1.585/0,833 * 21.700 + 400.000 = 29.467.049.972$ đồng.

Với giao dịch trên với phía quốc tế thì Ngân hàng X sẽ chi ra dự kiến nếu lấy hết số vàng 500kg với đối tác HSBC Hong Kong là $500*32.1507*1.585 = 25.479.429,75$ USD, tức là Ngân hàng X đang giữ trạng thái đoàn USD là 25.479.429,75 và thời gian thực hiện là T+2 (tức là tối đa 2 ngày phía HSBC và Ngân hàng X phải thực hiện giao dịch này, trừ khi hai bên mong muốn kéo dài chưa

thực hiện hợp đồng này qua giao dịch swap). Còn ở phía Việt Nam, Ngân hàng X đã bán $500*26,666 = 13.333$ lượng vàng SJC và thu về $13.333*43.900.000 = 585.318.700.000$ đồng. Với giao dịch ở Việt Nam thì phía Ngân hàng X và Doanh nghiệp Tư nhân A thường thực hiện ngay trong ngày hoặc là chỉ có thể kéo dài thêm tối đa 1-2 ngày.

Khi thực hiện các giao dịch trên, thì phía Ngân hàng X có thể phải chịu 6 loại rủi ro sau:

- Khi thực hiện giao dịch quốc tế với HSBC Hong Kong, trạng thái ngoại tệ cuối ngày của Ngân hàng X đã phát sinh trạng thái ngoại tệ đoàn tương đương với 25.479.429,75 USD (giả định số dư các ngoại tệ khác cuối ngày bằng không). Rủi ro sẽ phát sinh nếu tỷ giá USD/VND tăng lên trên 21.700. Tỷ giá USD/VND tại Việt Nam trong những năm qua thường có xu hướng tăng và do đó rủi ro về tỷ giá luôn rình rập hoạt động của ngân hàng. Nếu tỷ giá tăng ít thì phần lỗ đó chỉ là chi phí của ngân hàng, nhưng nếu tỷ giá tăng đột biến thì thất thoát của ngân hàng sẽ rất lớn. Thông thường sau khi thực hiện xong giao dịch trên hoặc vào cuối ngày thì các ngân hàng xem xét trạng thái ngoại tệ của mình có vượt quá +/- 30% vốn tự có theo quy định của NHNN hay không. Nếu vượt quá tỷ lệ trên các ngân hàng vào cuối ngày phải mua lại trên thị trường liên ngân hàng liên ngân hàng hay nâng giá mua USD để mua USD vào từ các doanh nghiệp hay cá nhân trong nước (tất nhiên là chỉ vào cuối ngày, còn trong ngày có vượt quá tỷ lệ trên thì cũng chưa vi phạm quy định của NHNN. Đây cũng là nhược điểm của quy định về trạng thái ngoại tệ hiện nay của NHNN). Do đó, các ngân hàng phải luôn cảnh giác với loại rủi ro này và cần có một hệ thống quản lý rủi ro tốt trong nội bộ ngân hàng.

- Ngân hàng X có một số lựa chọn nguồn khi bán vàng, chủ yếu tập trung vào ba nguồn chính là từ huy động vàng của tổ chức/cá nhân, vốn

¹ 1oz = 0.833 lượng, 1 lượng = 37,50 gram, 1kg = 26.666 lượng, 1kg = 32.1507oz

tự có, hay là từ nguồn mà ngân hàng tự đầu tư. Trong ba nguồn này, thường ngân hàng lấy nguồn vốn vàng từ huy động của doanh nghiệp hay cá nhân để bán. Ngân hàng gặp rủi ro ngay nếu đến hạn rút vàng của khách hàng mà ngân hàng không đủ thanh khoản vàng. Trước đây loại rủi ro này ít gặp là do ngân hàng thiếu thanh khoản vàng, thì có thể tăng lãi suất huy động vàng lên hoặc cấp tốc cầu cứu NHNN xin quota nhập khẩu vàng. Nhưng hiện nay tình hình đã thay đổi khi mà NHNN đã không còn cho huy động vàng (Thông tư 11/2011/TT-NHNN ngày 29/4/2011) và rất hạn chế cấp quota nhập khẩu vàng.

- Rủi ro khác mà ngân hàng có thể gặp phải là cạn kiệt thanh khoản vàng riêng lẻ từ phía một ngân hàng. Theo Thông tư 11/2011/TT-NHNN về việc chấm dứt huy động vàng của TCTD, khi ngân hàng thiếu thanh khoản vàng thì ngân hàng không thể tăng lãi suất để huy động vàng như trước nữa mà chỉ còn trông chờ vào sự trợ giúp của NHNN khi NHTM gặp khó khăn mua vàng vật chất để bù đắp lượng vàng tồn quỹ đã chuyển đổi thành tiền (theo Thông tư 32). Nhưng việc cạn kiệt thanh khoản vàng này là của riêng Ngân hàng X, thì phải chờ sự xét duyệt của NHNN về trường hợp riêng lẻ này. Thời gian để cứu xét từ NHNN thì không xác định được dễ dàng.

- Đối với giao dịch bán vàng trong nước, khi tiền VND về thì ngân hàng có thể cho vay hoặc đi gửi liên ngân hàng. Trước đây, với hai loại giao dịch này thì ngân hàng rất ít khi gặp rủi ro (nợ quá hạn hay ngân hàng đối tác chậm trả trên liên ngân hàng). Hiện nay trong điều kiện nền kinh tế trong và ngoài nước đang gặp khó khăn chung, khi cho vay đối với khách hàng doanh nghiệp hay cá nhân, tỷ lệ nợ quá hạn đã tăng lên đáng kể. Có một số trường hợp khách hàng không trả được nợ. Khi ngân hàng giao dịch trên thị trường liên ngân hàng, trong điều kiện thanh khoản căng thẳng đặc biệt là vào các dịp cuối năm thì ngân hàng đối tác thường kéo dài thời hạn trả nợ tuy hợp đồng thanh toán đã đến hạn. Ngân

hàng không thể xem thường các khả năng này trong hệ thống quản trị rủi ro của mình.

- Ngân hàng X đã duy trì trạng thái trên kể từ ngày 10/10/2011 đến nay do chưa có sự đảo chiều giữa giá vàng trong nước và quốc tế. Giá vàng trong nước vẫn còn cao hơn giá vàng quốc tế. Nếu đóng trạng thái vàng đã mở này, thì Ngân hàng X sẽ bị lỗ ngay trong khi lợi nhuận của các giao dịch trên thì đã được hạch toán vào năm 2011. Do đó loại rủi ro thứ năm có thể gặp phải là thời gian để chênh lệch giá vàng trong nước và quốc tế đảo chiều ngược lại so với lúc mở trạng thái tháng 10/2011. Chắc chắn ngân hàng không thể tính trước được việc này. Còn trong trường hợp chưa thể đóng được hai giao dịch đã mở từ năm 2011 thì ngân hàng sẽ phải thanh toán chi phí nào và khi nào thì đạt được điểm hòa vốn. Hiện nay các ngân hàng khi mở trạng thái trên đều có một phần nhận biết được các loại rủi ro này, nhưng vẫn chưa có giải pháp hữu hiệu để phòng và chống nó. Các chi phí cho hai giao dịch trên có thể bao gồm: (i) Chi phí ngân hàng phải trả cho điểm swap để kéo dài việc thực hiện giao dịch trên với HSBC Hongkong. Về phương diện hạch toán kế toán, để gia hạn hợp đồng trên với đối tác nước ngoài thì phía Ngân hàng X phải thực hiện cùng lúc hai giao dịch là một giao dịch spot (giao ngay) bán vàng tài khoản quốc tế và mua USD trên tài khoản quốc tế và một giao dịch forward (kỳ hạn) mua vàng tài khoản quốc tế và bán USD trên tài khoản quốc tế trong kỳ hạn 1 ngày. Với giao dịch này, phía Ngân hàng X sẽ nhận lãi vàng và trả lãi USD trên tài khoản quốc tế. Thông thường lãi suất USD trên thị trường thế giới cao hơn lãi suất vàng. Cho nên, mỗi ngày thực hiện giao dịch swap, phía Ngân hàng X phải trả chi phí điểm swap này; (ii) Chi phí cho việc huy động để có nguồn vàng để bán ở trong nước hay chi phí cơ hội mà ngân hàng phải bỏ ra nếu đó là từ nguồn vốn tự có hay mua để đầu cơ; (iii) Chi phí cơ hội cho việc sử dụng VND để mua USD trong việc giảm trạng thái đoán USD do mua vàng quốc tế; (iv) Chi phí ký quỹ USD ở tài khoản nước ngoài trong việc

đảm bảo cho giao dịch mua vàng tài khoản với HSBC Hong Kong; (v) Chi phí phát sinh nếu đóng hai giao dịch đã mở tháng 10/2011 mà bị lỗ (do giá vàng trong nước vẫn duy trì cao hơn giá thế giới và bị bắt buộc phải đóng giao dịch). Từ việc dự liệu được các loại chi phí này, ngân hàng cần xác định điểm hòa vốn cho hai giao dịch đã mở tháng 10/2011. Điểm hòa vốn được xác định trên cơ sở lợi nhuận có được lúc bắt đầu giao dịch trong nước và quốc tế, các chi phí đã phát sinh trong quá trình còn duy trì các giao dịch đã xác lập và chi phí (nếu có) lúc đóng các giao dịch đã mở. Các phòng ban có trách nhiệm cùng nhau theo dõi, lập kế hoạch, báo cáo thường xuyên và định kỳ cũng như cảnh báo ngay cho các phòng ban có liên quan và lãnh đạo ngân hàng nếu có những trường hợp phát sinh trong dự liệu và đột biến.

- Rủi ro cuối cùng phát sinh là do sự thay đổi nhanh của các chính sách từ NHNN và Chính phủ nằm ngoài sự dự liệu của ngân hàng. Điển hình như bãi bỏ việc kinh doanh vàng trên tài khoản ở nước ngoài trong Thông tư 01/2010/TT-NHNN hoặc không cho nhập vàng trên tài khoản nước ngoài về khi thanh khoản vàng của ngân hàng bị cạn kiệt.

Trong trường hợp ngược lại tức là khi giá vàng trong nước thấp hơn giá vàng thế giới, chúng ta cũng làm các phân tích tương tự như trên để nhận diện đầy các rủi ro và chi phí phát sinh. Từ đó đưa giao dịch kinh doanh vàng vào trong quá trình hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra công việc cùng với sự phối hợp, nỗ lực của cả tập thể tham gia vào hoạt động chung để đạt mục tiêu với hiệu quả cao nhất.

Thiết lập một hệ thống quản trị rủi ro hiệu quả cho hoạt động kinh doanh vàng

Các tác động của vàng đến hoạt động của ngân hàng thì đã rõ như phân tích ở trên, cũng như các loại rủi ro và chi phí phát sinh cho hoạt động này đã được nhận diện và đánh giá khá chi tiết. Vấn đề quan trọng

khác là làm sao để các rủi ro và tác động trên của vàng được hệ thống hóa và được nhận thức một cách toàn diện, đầy đủ bởi các nhà quản trị của ngân hàng. Hiện nay các ngân hàng vẫn đang loay hoay với việc tìm ra một hệ thống quản lý rủi ro hiệu quả và đồng bộ. Đứng trước nhu cầu đó của các TCTD, NHNN dự kiến thời gian tới sẽ ban hành thông tư quy định về yêu cầu đối với hệ thống quản lý rủi ro trong hoạt động ngân hàng (Văn Nguyễn, 2012). Đồng thời “Xây dựng và triển khai Đề án bình ổn thị trường vàng thông qua sử dụng nguồn lực trong nước; tổ chức triển khai Nghị định thay thế Nghị định số 174/1999/NĐ-CP ngày 09/12/1999 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng sau khi được Chính phủ ban hành nhằm tổ chức sắp xếp lại một bước thị trường vàng, tăng cường khả năng điều tiết của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và góp phần bình ổn thị trường” (NHNN, 2012).

Bên cạnh việc hoàn thiện hành lang pháp lý và hỗ trợ từ phía Chính phủ, NHNN, bản thân các TCTD cần xây dựng cho mình một hệ thống quản trị rủi ro hoàn chỉnh. Hệ thống quản lý rủi ro hiệu quả của TCTD tối thiểu phải bảo đảm các yếu tố sau như giám sát và quản lý tích cực của hội đồng quản trị, hội đồng thành viên và ban điều hành; ban hành và triển khai đầy đủ các chính sách, quy trình quản lý rủi ro và các giới hạn rủi ro; thiết lập hệ thống thông tin quản lý phù hợp; thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ hoạt động phù hợp. Trách nhiệm quản lý rủi ro của những bộ phận có liên quan và ban lãnh đạo ngân hàng cần được xác lập cụ thể như từ hội đồng quản trị, ban kiểm soát, ban tổng giám đốc, đến các phòng kiểm tra kiểm soát nội bộ, phòng quản lý rủi ro, phòng kinh doanh ngoại hối.

Dự thảo Thông tư Quản lý rủi ro của NHNN cho rằng: “Một hệ thống quản lý rủi ro đầy đủ thì không thể thiếu các chiến lược, chính sách, quy trình và hạn mức quản lý rủi ro

cho các rủi ro trọng yếu phát sinh. Chính sách và quy trình quản lý rủi ro phải đảm bảo rằng các rủi ro trọng yếu được sớm nhận dạng, được kiểm soát đầy đủ và được báo cáo kịp thời cho hội đồng quản trị, hội đồng thành viên, ban kiểm soát và ban điều hành. Ngân hàng phải đảm bảo luôn tuân thủ các quy định an toàn về vốn theo quy định của NHNN và đảm bảo rằng vốn pháp định của TCTD không bị suy giảm và khả năng chịu đựng rủi ro của TCTD đủ bù đắp tất cả các rủi ro mà có thể dẫn đến tổn thất cho TCTD tại mọi thời điểm. Bộ phận kiểm soát rủi ro thực hiện việc theo dõi, đo lường tất cả các rủi ro của TCTD và đánh giá mức độ đầy đủ của khả năng chịu đựng rủi ro. Nếu khả năng chịu đựng rủi ro là không

đảm bảo, TCTD phải có các biện pháp xử lý kịp thời”.

Kết luận

Nói tóm lại, trong quá trình hoạt động, ngân hàng cần đánh giá đầy đủ và toàn diện các tác động của vàng trong một hệ thống tổng thể các giải pháp và sự phối hợp đồng bộ của cả Ban lãnh đạo ngân hàng và với các phòng ban có liên quan. Không những đề ra một hệ thống quản lý rủi ro toàn diện mà rất cần có sự phối hợp nhịp nhàng của cả ngân hàng từ trên xuống dưới trong hành động. Chỉ có vậy mới mong thực hiện thành công các chỉ tiêu mà đại hội cổ đông đã đề ra cho ban lãnh đạo ngân hàng

Tài liệu tham khảo

1. An Huy (2011). Vàng trong nước đắt hơn thế giới trên 4 triệu đồng. <http://vneconomy.vn/20110924110810501P0C6/vang-trong-nuoc-dat-hon-the-gioi-tren-4-trieu-dong.htm>.
2. Ngân hàng Nhà nước (2011). Dự thảo Thông tư Quản lý Rủi ro. http://www.vnba.org.vn/index.php?option=com_content&task=view&id=9519&Itemid=40.
3. Ngân hàng Nhà nước (2012). Chỉ thị 01/CT-NHNN ngày 13/02/2012 về tổ chức thực hiện chính sách tiền tệ và đảm bảo hoạt động ngân hàng an toàn, hiệu quả năm 2012.
4. Văn Nguyễn (2012) Yêu cầu tối thiểu về quản lý rủi ro: Chờ khả năng tiếp cận của ngân hàng. <http://laodong.vn/Tin-Tuc/Cho-kha-nang-tiep-can-cua-ngan-hang/72293>.